



Harmonised application form/Mẫu đơn thống nhất

Application for Schengen Visa/Đơn xin Thị thực Schengen

This application form is free/Đơn này miễn phí



PHOTO
ẢNH

Family members of EU, EEA or CH citizens or of UK nationals who are beneficiaries of the EU-UK Withdrawal Agreement shall not fill in fields No 21, 22, 30, 31 and 32 (marked with*).

Các thành viên gia đình của công dân EU, EEA hoặc Thụy Sĩ, hoặc của công dân Vương quốc Anh thuộc diện hưởng quyền lợi theo Thỏa thuận Rút lui giữa EU và Vương quốc Anh, không cần điền vào các mục số 21, 22, 30, 31 và 32 (được đánh dấu bằng dấu *).

Fields 1-3 shall be filled in in accordance with the data in the travel document/Các mục từ 1 đến 3 phải được điền theo thông tin trong Hộ chiếu/Giấy thông hành.

1. Surname (Family name)/Họ:				For official use only	
2. Surname at birth (Former family name(s))/Họ khi sinh (Họ trước đây):				Date of application:	
3. First name(s) (Given name(s))/Tên:				Application number:	
Date of birth (day-month-year): Ngày tháng năm sinh (ngày-tháng-năm):		5. Place of birth/Nơi sinh: 6. Country of birth:/Quốc gia sinh:		7. Current nationality/Quốc tịch hiện tại: Nationality at birth, if different/Quốc tịch khi sinh, nếu khác Quốc tịch hiện nay: Other nationalities/Các Quốc tịch khác:	
8. Sex/Giới tính: ☐ Male/Nam ☐ Female/Nữ ☐ Other/Khác		9. Civil status/Tình trạng hôn nhân: ☐ Single/Độc thân ☐ Married/Đã kết hôn ☐ Registered Partnership/Partner đã đăng ký ☐ Separated/Ly thân ☐ Divorced/Ly hôn ☐ Widow(er)/Góa ☐ Other (please specify)/Tình trạng khác (xin nêu rõ):		Application lodged at: ☐ Embassy/consulate ☐ Service provider ☐ Commercial intermediary	
10. Parental authority (in case of minors) /legal guardian (surname, first name, address, if different from applicant's, telephone no., e-mail address, and nationality)/ Người có quyền làm cha mẹ (đối với trẻ vị thành niên) / người giám hộ hợp pháp (họ, tên, địa chỉ - nếu khác với địa chỉ của người nộp đơn, số điện thoại, địa chỉ email và quốc tịch)::				File handled by:	
11. National identity number, where applicable/Số Căn cước Công dân, nếu có:				Supporting documents:	
12. Type of travel document/Loại giấy tờ thông hành: ☐ Ordinary passport/Hộ chiếu phổ thông ☐ Diplomatic passport/Hộ chiếu Ngoại giao ☐ Service passport/Hộ chiếu Công vụ ☐ Official passport/Hộ chiếu Công vụ ☐ Special passport/Hộ chiếu đặc biệt ☐ Other travel document (please specify)/Giấy tờ thông hành khác (xin nêu rõ):				☐ Travel document ☐ Means of subsistence ☐ Invitation	
13. Number of travel document		14. Date of issue		15. Valid until	
				16. Issued by (country)	
				☐ TMI	

Số Hộ chiếu/Giấy thông hành:		Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	(Quốc gia) cấp:	☐ Means of transport ☐ Other: Visa decision: ☐ Refused ☐ Issued: ☐ A ☐ C ☐ LTV ☐ Valid: From: Until:
17. Personal data of the family member who is an EU, EEA or CH citizen or a UK national who is a beneficiary of the EU-UK Withdrawal Agreement, if applicable/Dữ liệu cá nhân của thành viên gia đình là công dân EU, EEA hoặc Thụy Sĩ, hoặc công dân Vương quốc Anh thuộc diện hưởng lợi từ Thỏa thuận Rút lui giữa EU và Vương quốc Anh (nếu có)					
Surname (Family name)/Họ:		First name(s) (Given name(s))/Tên:			
Date of birth (day-month-year)/Ngày tháng năm sinh (ngày-tháng-năm):	Nationality/Quốc tịch:		Number of travel document or ID card		
				Số Giấy thông hành hoặc Căn cước công dân:	
18. Family relationship with an EU, EEA or CH citizen or a UK national who is a beneficiary of the EU-UK Withdrawal Agreement, if applicable/Mối quan hệ với công dân EU, EEA hoặc Thụy Sĩ, hoặc công dân Vương quốc Anh thuộc diện hưởng lợi từ Thỏa thuận Rút lui giữa EU và Vương quốc Anh (nếu có)					
☐ spouse/Vợ, chồng ☐ child/Con ☐ grandchild/Cháu ☐ dependent ascendant /Bố mẹ phụ thuộc ☐ Registered Partnership/Partner đã đăng ký ☐ other/Khác:					
19. Applicant's home address and e-mail address			Telephone no		
Địa chỉ nhà riêng và thư điện tử của người xin cấp thị thực:			Số điện thoại.:		
20. Residence in a country other than the country of current nationality/Bạn có cư trú tại một quốc gia khác với quốc gia mà mình mang quốc tịch hiện tại không:					
☐ No/Không ☐ Yes/Có. Residence permit or equivalent/Giấy phép cư trú hoặc giấy tờ tương đương No/Số. Valid until/Có giá trị đến.....					
*21. Current occupation/Nghề nghiệp hiện tại:					Number of entries:
* 22. Employer and employer's address and telephone number. For students, name and address of educational establishment					☐ 1 ☐ 2 ☐ Multiple
Tên, địa chỉ và số điện thoại của cơ quan. Đối với học sinh, sinh viên: tên và địa chỉ trường.:					Number of days:
23. Purpose(s) of the journey//(Các) mục đích của chuyến đi:					
☐ Tourism/Du lịch ☐ Business/Công tác ☐ Visiting family or friends/Thăm thân ☐ Cultural/Văn hóa ☐ Sports/Thể thao ☐ Official visit/Thăm chính thức ☐ Medical reasons/Chữa bệnh ☐ Study/Đi học ☐ Airport transit/Transit sân bay ☐ Other (please specify)/Khác (xin nêu rõ):					
24. Additional information on purpose of stay/Thông tin bổ sung về mục đích lưu trú:					
25. Member State of main destination (and other Member States of destination, if applicable)/Quốc gia Thành viên là điểm đến chính (và các Quốc gia Thành viên là điểm đến khác, nếu có):			26. Member State of first entry/Quốc gia Thành viên sẽ nhập cảnh đầu tiên:		
27. Number of entries requested/Số lần nhập cảnh yêu cầu:					
☐ Single entry/Một lần ☐ Two entries/Hai lần ☐ Multiple entries/Nhiều lần Intended date of arrival of the first intended stay in the Schengen area:/ Ngày dự kiến đến trong lần lưu trú đầu tiên tại khu vực Schengen: Intended date of departure from the Schengen area after the first intended stay:/Ngày dự kiến rời khỏi khu vực Schengen sau lần lưu trú đầu tiên:					
28. Fingerprints collected previously for the purpose of applying for a Schengen visa:/Bạn đã từng được lấy vân tay khi xin cấp thị thực Schengen chưa?					
☐ No/Chưa ☐ Yes/Rồi Date, if known/Ngày cấp, nếu biết Visa sticker number, if known/Số visa, nếu biết					
29. Entry permit for the final country of destination, where applicable/Giấy phép nhập cảnh vào quốc gia điểm đến cuối cùng (nếu có):					
Issued by/Cấp bởiValid from/Có giá trị từ ngàyuntil /đến ngày.....					

* 30. Surname and first name of the inviting person(s) in the Member State(s). If not applicable, name of hotel(s) or temporary accommodation(s) in the Member State(s)/ <i>Họ và tên của (những) người mời tại (các) Quốc gia Thành viên. Nếu không có, ghi tên (các) khách sạn hoặc nơi lưu trú tạm thời tại (các) Quốc gia Thành viên:</i>		
Address and e-mail address of inviting person(s)/hotel(s)/temporary accommodation(s) <i>Địa chỉ và địa chỉ email của (những) người mời/khách sạn/nơi lưu trú tạm thời:</i>		Telephone no./Số điện thoại:
*31. Name and address of inviting company/organisation/<i>Tên và địa chỉ của Công ty/tổ chức mời:</i>		
Surname, first name, address, telephone no., and e-mail address of contact person in company/organisation: <i>Họ và tên, địa chỉ, số điện thoại và email của người liên hệ trong Công ty/tổ chức mời:</i>		Telephone no. of company/organisation: <i>Điện thoại của Công ty/Tổ chức mời:</i>
*32. Cost of travelling and living during the applicant’s stay is covered: <i>Chi phí đi lại và ăn ở của người xin cấp thị thực trong thời gian lưu trú sẽ được chi trả</i>		
☐ by the applicant himself/herself/<i>Bởi chính đương đơn</i> Means of support/<i>Hình thức thanh toán:</i> ☐ Cash/<i>Tiền mặt</i> ☐ Traveller’s cheques/<i>Séc du lịch</i> ☐ Credit card/<i>Thẻ tín dụng</i> ☐ Pre-paid accommodation/<i>Chỗ ở đã thanh toán trước</i> ☐ Pre-paid transport/<i>Phương tiện đi lại đã thanh toán trước</i> ☐ Other (please specify)/<i>Hình thức khác (xin nêu rõ):</i>		☐ by a sponsor (host, company, organisation), please specify/<i>bởi một đơn vị bảo lãnh (người mời, công ty, tổ chức, xin nêu rõ):</i> ☐ referred to in field 30 or 31 /<i>được nêu trong mục 30 hoặc 31</i> ☐ other (please specify)/<i>Bên khác (xin nêu rõ):</i> Means of support/<i>Hình thức thanh toán:</i> ☐ Cash/<i>Tiền mặt</i> ☐ Accommodation provided/<i>Chỗ ở được chu cấp</i> ☐ All expenses covered during the stay/<i>Chu cấp tất cả các chi phí trong thời gian lưu trú</i> ☐ Pre-paid transport/<i>Phương tiện đi lại đã được thanh toán</i> ☐ Other (please specify)/<i>Hình thức khác (xin nêu rõ):</i>
33. Surname and first name of the person filling in the application form, if different from the applicant: <i>Họ và tên của người điền đơn, nếu khác với đương đơn:</i> Address and email address of the person filling in the application form: <i>Địa chỉ và email của người điền đơn</i> Telephone No/<i>Số điện thoại:</i>		
I am aware that the visa fee is not refunded if the visa is refused. <i>Tôi hiểu rằng lệ phí visa sẽ không được hoàn lại nếu visa bị từ chối.</i> Applicable in case a multiple-entry visa is applied for: I am aware of the need to have an adequate travel medical insurance for my first stay and any subsequent visits to the territory of Member States. <i>Áp dụng trong trường hợp xin thị thực nhập cảnh nhiều lần:</i> <i>Tôi nhận thức được yêu cầu phải có bảo hiểm y tế du lịch phù hợp cho lần lưu trú đầu tiên cũng như các chuyến đi tiếp theo đến lãnh thổ của các Quốc gia Thành viên.</i>		

I am aware of and consent to the following: the collection of the data required by this application form and the taking of my photograph and, if applicable, the taking of fingerprints, are mandatory for the examination of the application; and any personal data concerning me which appear on the application form, as well as my fingerprints and my photograph will be supplied to the relevant authorities of the Member States and processed by those authorities, for the purposes of a decision on my application.

Such data as well as data concerning the decision taken on my application or a decision whether to annul, revoke or extend a visa issued will be entered into, and stored in the Visa Information System (VIS) for a maximum period of five years, during which it will be accessible to the visa authorities and the authorities competent for carrying out checks on visas at external borders and within the Member States, immigration and asylum authorities in the Member States for the purposes of verifying whether the conditions for the legal entry into, stay and residence on the territory of the Member States are fulfilled, of identifying persons who do not or who no longer fulfil these conditions, of examining an asylum application and of determining responsibility for such examination. Under certain conditions the data will be also available to designated authorities of the Member States (**for Italy the Ministry of Interior and the Police authority**) and to Europol for the purpose of the prevention, detection and investigation of terrorist offences and of other serious criminal offences. **The Ministry of Foreign Affairs and International Cooperation – MAECI (Piazzale della Farnesina 1, 00135 Roma) www.esteri.it tel. 0039 06 36911 (switchboard), through the Diplomatic Representation or Consulate where the visa application has been lodged, is the authority responsible for processing the data.**

Tôi đã biết và đồng ý với các nội dung sau: việc thu thập dữ liệu theo yêu cầu của mẫu đơn này, việc chụp ảnh và (nếu có) lấy dấu vân tay của tôi là bắt buộc để xem xét hồ sơ xin cấp thị thực; đồng thời, mọi dữ liệu cá nhân liên quan đến tôi có trong mẫu đơn, cũng như dấu vân tay và ảnh của tôi, sẽ được cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên và được các cơ quan này xử lý nhằm mục đích đưa ra quyết định về hồ sơ của tôi.

Các dữ liệu này, cũng như dữ liệu về quyết định đối với hồ sơ của tôi hoặc quyết định hủy bỏ, thu hồi hay gia hạn thị thực đã cấp, sẽ được nhập và lưu trữ trong Hệ thống Thông tin Thị thực (VIS) trong thời hạn tối đa là 5 năm. Trong thời gian này, các cơ quan cấp thị thực, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thị thực tại biên giới bên ngoài và trong nội bộ các Quốc gia Thành viên, cũng như cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và tị nạn tại các Quốc gia Thành viên có thể truy cập dữ liệu này nhằm mục đích: xác minh việc đáp ứng các điều kiện nhập cảnh, lưu trú và cư trú hợp pháp trên lãnh thổ các Quốc gia Thành viên; nhận diện những người không hoặc không còn đáp ứng các điều kiện này; xem xét hồ sơ xin tị nạn và xác định trách nhiệm xem xét hồ sơ đó. Trong một số điều kiện nhất định, dữ liệu cũng sẽ được cung cấp cho các cơ quan được chỉ định của các Quốc gia Thành viên (đối với Ý là Bộ Nội vụ và cơ quan Cảnh sát) và cho Europol nhằm mục đích phòng ngừa, phát hiện và điều tra các hành vi phạm tội khủng bố cũng như các tội phạm nghiêm trọng khác. Bộ Ngoại giao và Hợp tác Quốc tế – MAECI (địa chỉ: Piazzale della Farnesina 1, 00135 Roma; website: www.esteri.it; điện thoại: 0039 06 36911 - tổng đài) là cơ quan chịu trách nhiệm xử lý dữ liệu, thông qua Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc Lãnh sự quán nơi nộp hồ sơ xin thị thực.

I am aware that I have the right to obtain, in any of the Member States, notification of the data relating to me recorded in the VIS and of the Member State, which transmitted the data, and to request that data relating to me which are inaccurate be corrected and that data relating to me processed unlawfully be deleted. At my express request, the authority examining my application (**for the Diplomatic Representations or Consulates please visit www.esteri.it e <http://vistoperitalia.esteri.it>**) will inform me of the manner in which I may exercise my right to check the personal data concerning me and have them corrected or deleted, including the related remedies according to the national law of the Member State concerned. **The Italian national supervisory competent authority on the protection of personal data is the MAECI Data Protection Officer / DPO (email: rpdp@esteri.it, certified email: rpdp@cert.esteri.it) or the Italian Data Protection Authority (Piazza Venezia 11, 00187 ROMA; tel. 0039 06 696771 (switchboard); email: garante@gpdp.it; pec: protocollo@pec.gpdp.it).**

I declare that to the best of my knowledge all particulars supplied by me are correct and complete. I am aware that any false statements will lead to my application being rejected or to the annulment of a visa already granted and may also render me liable to prosecution under the law of the Member State which deals with the application.

I undertake to leave the territory of the Member States before the expiry of the visa, if granted. I have been informed that possession of a visa is only one of the prerequisites for entry into the European territory of the Member States. The mere fact that a visa has been granted to me does not mean that I will be entitled to compensation if I fail to comply with the relevant provisions of Article 6(1) of Regulation (EU) No 2016/399 (Schengen Borders Code) and I am therefore refused entry. The prerequisites for entry will be checked again on entry into the European territory of the Member States.

Tôi biết rằng mình có quyền được thông báo tại bất kỳ Quốc gia Thành viên nào về các dữ liệu liên quan đến tôi đã được lưu trữ trong hệ thống VIS cũng như thông tin về Quốc gia Thành viên đã truyền tải dữ liệu đó; đồng thời, tôi có quyền yêu cầu sửa đổi các dữ liệu không chính xác và xóa bỏ các dữ liệu được xử lý trái quy định pháp luật liên quan đến tôi. Theo yêu cầu cụ thể của tôi, cơ quan thụ lý hồ sơ (đối với các Cơ quan Đại diện Ngoại giao hoặc Lãnh sự quán, vui lòng truy cập www.esteri.it và <http://vistoperitalia.esteri.it>) sẽ hướng dẫn tôi cách thức thực hiện quyền kiểm tra, sửa đổi hoặc xóa bỏ dữ liệu cá nhân liên quan đến mình, bao gồm cả các biện pháp pháp lý tương ứng theo quy định của pháp luật quốc gia thuộc Quốc gia Thành viên có liên quan. Cơ quan có thẩm quyền giám sát quốc gia của Ý về bảo vệ dữ liệu cá nhân là Cán bộ Bảo vệ Dữ liệu (DPO) của MAECI (email: rpdp@esteri.it, email có chứng thực: rpdp@cert.esteri.it) hoặc Cơ quan Bảo vệ Dữ liệu Ý (Địa chỉ: Piazza Venezia 11, 00187 ROMA; điện thoại: 0039 06 696771 (tổng đài); email: garante@gpdp.it; pec: protocollo@pec.gpdp.it).

Tôi cam đoan rằng, theo hiểu biết tốt nhất của mình, tất cả các thông tin tôi cung cấp đều chính xác và đầy đủ. Tôi hiểu rằng bất cứ thông tin khai man nào sẽ dẫn đến việc hồ sơ bị từ chối hoặc thị thực đã được cấp bị hủy bỏ, đồng thời có thể khiến tôi bị truy tố theo pháp luật của Quốc gia Thành viên thụ lý hồ sơ.

Tôi cam kết sẽ rời khỏi lãnh thổ các Quốc gia Thành viên trước khi thị thực (nếu được cấp) hết hạn. Tôi đã được thông báo rằng việc sở hữu thị thực chỉ là một trong những điều kiện cần để nhập cảnh vào lãnh thổ châu Âu của các Quốc gia Thành viên. Việc tôi được cấp thị thực không đồng nghĩa với việc tôi có quyền được bồi thường nếu tôi không tuân thủ các quy định liên quan tại Điều 6(1) của Quy định (EU) số 2016/399 (Bộ quy tắc Biên giới Schengen) và do đó bị từ chối nhập cảnh. Các điều kiện nhập cảnh sẽ được kiểm tra lại khi tôi nhập cảnh vào lãnh thổ châu Âu của các Quốc gia Thành viên.

Place and date/Nơi và ngày làm đơn:	Signature/Ký tên: (signature of parental authority/legal guardian, if applicable): (Chữ ký của bố mẹ/người giám hộ hợp pháp, nếu có)
-------------------------------------	--